

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 890/2019/KDTM-PT

Ngày: 10/10/2019

V/v: Tranh chấp Hợp đồng thi
công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các thẩm phán: **Ông Ngô Văn Dũng**

Ông Lê Công Toại

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Bà Thân Trọng Minh Phương** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 85/2019/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng thi công.

Do Bản án sơ thẩm số 55/2019/KDTM-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3738/2019/QĐ-PT ngày 26/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7532/2019/QĐ-PT ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH K Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà H, số 35 đường N, phường B, Quận Y, TP.HCM

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tôn Thất Hồ N – sinh năm 1971 (Văn bản ủy quyền số: ngày 06 tháng 9 năm 2019)

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà H, số 35 đường N, phường B, Quận Y, TP.HCM.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T.

Địa chỉ: Số 10 đường N, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị H, bà Lê Thị T (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 25/9/2019).

Địa chỉ: số 17-19-21 đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.)

Tại phiên tòa có mặt ông Tôn Thất Hồ N, bà Trần Thị H và bà Lê Thị T.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn- Công ty TNHH K trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số TNKSM/210217 ngày 21/02/2017, nguyên đơn nhận thi công công trình “Thi công nhà mẫu” thuộc dự án căn hộ cao cấp The Kenton của bị đơn với giá trị trọn gói (gồm thuế giá trị gia tăng - VAT 10%) là 8.905.723.080 đồng. Ngày 23/5/2017, hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình nhà mẫu đưa vào sử dụng.

Sau đó, nguyên đơn tiếp tục thực hiện các công việc bổ sung theo yêu cầu của bị đơn cho việc thi công nhà mẫu thuộc dự án và hai bên đã ký Phụ lục hợp đồng số TNKSM/02122017 ngày 02/12/2017 với giá trị phát sinh là 1.346.761.900 đồng (gồm thuế VAT 10%).

Ngày 01/6/2018, hai bên thanh lý hợp đồng, xác định giá trị công việc sau nghiệm thu và quyết toán là 10.252.484.980 đồng, bị đơn đã tạm ứng và thanh toán được tổng số tiền là 4.548.055.945 đồng, số tiền bị đơn còn phải thanh toán là 5.704.429.035 đồng. Nguyên đơn đã bàn giao cho bị đơn toàn bộ công trình đưa vào sử dụng và hồ sơ yêu cầu thanh toán sau nghiệm thu, trong đó có hoá đơn thuế VAT số 1417 ngày 30/6/2017 giá trị là 7.124.578.464 đồng. Tuy nhiên, kể từ sau khi thanh lý hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với giá trị đã xuất hoá đơn, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào nên nguyên đơn chưa xuất hoá đơn đối với giá trị còn lại và khởi kiện. Sau khi được Tòa án mời giải quyết, nguyên đơn đã thống nhất với đề nghị của bị đơn cho thanh toán nợ thành nhiều đợt nhưng bị đơn chỉ trả thêm được 500.000.000 đồng và cố tình kéo dài không có thiện chí để trả hết số nợ còn lại. Do đó, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 5.137.090.940 đồng (*Năm tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng*) một lần ngay khi án có hiệu lực, không bao gồm 5% giá trị bảo hành của công việc phát sinh là 67.338.095 đồng. Nguyên đơn sẽ có trách nhiệm xuất hoá đơn VAT đối với giá trị thanh toán còn lại cho bị đơn.

Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/6/2018 với lãi suất 10%/năm.

Đối với 5% giá trị bảo hành còn lại là 67.338.095 đồng, nguyên đơn không yêu cầu đòi bị đơn phải thanh toán trong vụ án này.

Bị đơn là Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T, uỷ quyền cho các ông bà gồm: Tô Xuân T, hoặc Võ Hữu T, hoặc Trần Thị H, hoặc Lê Thị T đại diện tham gia tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị T và bà Trần Thị H có mặt trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số TNKSM/210217 ngày 21/02/2017, Phụ lục hợp đồng số TNKSM/02122017 ngày 02/12/2017 về thi công công trình nhà mẫu thuộc dự án căn hộ cao cấp The Kenton với tổng giá trị là 10.252.484.980 đồng (gồm 10% thuế VAT). Bị đơn đã nghiệm thu và nhận công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Theo Bảng theo dõi thanh toán hợp đồng do bị đơn cung cấp (được bà Trang và bà Hà cung cấp tại phiên tòa), thể hiện công nợ còn lại của công trình là 5.204.429.035 đồng (bao gồm 5% giá trị bảo hành), khối lượng nghiệm thu công trình và thanh toán cụ thể như sau:

- Đợt 1: Giá trị nghiệm thu là 7.124.578.464 đồng (gồm VAT), bị đơn đã tạm ứng và thanh toán được tổng số tiền là 5.048.055.945 đồng, còn nợ lại 1.720.293.596 đồng.

- Đợt 2: Giá trị nghiệm thu là 3.127.906.516 đồng bị đơn chưa thanh toán.

Như vậy, đối với giá trị nghiệm thu đợt 1 bị đơn chưa thanh toán hết do bị đơn gặp khó khăn về tài chính, còn với giá trị nghiệm thu đợt 2 bị đơn chưa thanh toán do nguyên đơn chưa xuất hoá đơn VAT. Do đó, bị đơn chỉ chấp nhận thanh toán số tiền còn nợ đợt 1 là 1.720.293.596 đồng, còn công nợ quyết toán đợt 2 bị đơn không đồng ý thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn vì công nợ này nguyên đơn chưa xuất hoá đơn VAT.

Đối với bản Thanh lý hợp đồng ngày 01/6/2018, bà Lê Thị Trang là đại diện của bị đơn trình bày khi được tiếp cận công khai và nhận tài liệu chứng cứ này bà đã thông báo cho phía bị đơn nhưng phía bị đơn cho biết không có văn bản này, không có ý kiến phản hồi.

Tại Bản khai ngày 10/4/2019, ông Tô Xuân T, ông Võ Hữu T và bà Trần Thị H, bà Lê Thị T cùng thể hiện nội dung trình bày như sau:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán. Ngoài số tiền 4.548.055.945 đồng đã thanh toán thì bị đơn đã thanh toán tiếp 500.000.000 đồng vào ngày 01/02/2019. Liên quan đến các khoản đã thanh toán, nguyên đơn chưa xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định pháp luật và theo thỏa thuận tại Điều 2.3.2 của Hợp đồng. Bị đơn sẽ thanh toán số tiền còn lại là 5.137.090.940 đồng trong 03 đợt, mỗi đợt cách nhau 03 tháng và đợt thanh toán đầu tiên dự kiến từ tháng 6/2019. Đối với yêu cầu đòi tiền lãi thì bị đơn không đồng ý.

Tại Bản án sơ thẩm số 55/2019/KDTM-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH K Việt Nam số tiền: 5.137.090.940 đồng (*Năm tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán của nguyên đơn.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.137.091 đồng (*Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm chín mươi một đồng*).

Hoàn lại cho Công ty TNHH K Việt Nam số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 56.884.209 đồng (*Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm lẻ chín đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0023844 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/6/2019, Bị đơn TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T kháng cáo Bản án sơ thẩm số 55/2019/KDTM-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 5.137.090.940 đồng, tuy nhiên bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu của đợt 1 là 1.720.293.596 đồng, còn số tiền đợt 2 là 3.127.906.516 đồng thì bị đơn không đồng ý thanh toán vì nguyên đơn chưa có nghiệm thu sau khi hết thời gian bảo hành và chưa có hóa đơn giá trị gia tăng.

Đại diện nguyên đơn cho rằng ngày 01/7/2019, nguyên đơn đã giao hóa đơn giá trị gia tăng số 0000466 ngày 27/6/2019 với số tiền 3.060.568.421đ có Văn phòng thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh lập vi bằng và Đỗ Văn Dân là trưởng phòng kế toán của Công ty TNHH Xây dựng SXTM T ký nhận hóa đơn, còn việc đại diện bị đơn yêu cầu phải có hồ sơ nghiệm thu sau khi hết thời hạn bảo hành thì không có điều luật nào quy định phải có hồ sơ này, nên đề nghị tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật. Và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn không xuất trình chứng cứ gì để chứng minh cho việc kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Công ty TNHH XD SXTM T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty TNHH K Việt Nam ủy quyền cho ông Tôn Thất Hồ N; Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T ủy quyền cho bà Trần Thị H và bà Lê Thị T, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T không đồng ý thanh toán khoản tiền đợt 2 là 3.127.906.516 đồng cho Công ty TNHH K Việt Nam.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 5.137.090.940 đồng, tuy nhiên, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán khoản tiền đợt 1 là 1.720.293.596 đồng, còn khoản tiền đợt 2 là 3.127.906.516 đồng, không đồng ý thanh toán vì nguyên đơn chưa xuất hóa đơn và chưa có bản nghiệm thu sau khi hết thời gian bảo hành; Ngược lại nguyên đơn khẳng định đã xuất 02 hóa đơn, 01 hóa đơn số 0001417 ngày 30/6/2017 số tiền 7.124.578.464 đồng và 01 hóa đơn số 0000466 ngày 27/6/2019 số tiền 3.060.568.421 đồng có vi bằng do Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh lập và do ông Đỗ Văn Dân là trưởng phòng kế toán của công ty bị đơn ký nhận, còn biên bản nghiệm thu sau khi hết thời gian bảo hành thì hai bên không có thỏa thuận, cũng như không có điều luật nào bắt buộc hết thời gian bảo hành, hai bên phải lập biên bản nghiệm thu nên đề nghị tòa không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Hội đồng xét xử, xét thấy: căn cứ tài liệu, chứng cứ và sự xác nhận của hai bên đương sự thì giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số TNKSM/210217 ngày 21/02/2017, phụ lục hợp đồng số TNKSM/02122017 ngày 02/12/2017, bị đơn giao cho nguyên đơn thi công hạng mục “Thi công nhà mẫu” thuộc dự án căn hộ cao cấp The Kenton. Tổng giá trị hợp đồng thi công là 10.252.484.980 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng). Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 5.048.055.945 đồng, còn lại 5.204.429.035 đồng – 67.338.095 đồng (tiền bảo hành) còn nợ 5.137.090.940 đồng. Và căn cứ vào biên bản nghiệm thu hoàn thành

thi công công trình nhà mẫu được bị đơn nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 23/5/2017, bản thanh lý hợp đồng ngày 01/6/2018 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0001417 ngày 30/6/2017 số tiền 7.124.578.461 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000466 ngày 27/6/2019 số tiền 3.060.568.421 đồng của công ty K xuất cho Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T thì có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 5.137.090.940 đồng chưa thanh toán, tòa cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên; Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần này của bản án sơ thẩm cho đúng theo Nghị Quyết.

Các nội dung khác đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên.

Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T nên phải chịu 2.000.000 đồng (Công ty T đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Buộc Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH K Việt Nam số tiền 5.137.090.940 (*Năm tỷ một trăm ba mươi bảy trăm triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm bốn mươi*) đồng .

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH K Việt Nam đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH K Việt Nam cho đến khi thi hành xong, Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty TNHH K Việt Nam đòi Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T trả tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 5.137.090.940 (*Năm tỷ một trăm ba mươi bảy trăm triệu không trăm chín mươi nghìn chín trăm bốn mươi*) đồng.

5. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T phải chịu 113.137.091 (*Một trăm mười ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm chín mươi mốt*) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH K Việt Nam 56.884.209 (*Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm lẻ chín*) đồng theo biên lai thu tiền số 0023844 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại T chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được căn trừ vào tiền tạm nộp án phí phúc thẩm 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0007803 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;

Nguyễn Thị Trinh

- Luu.